TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 8

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 621, chữ số 2 có giá trị là:

A. 2 **B.** 20 **C.** 621 **D.** 200

Câu 2. Phép chia 88 : 7 có số dư là:

A. 4 **B.** 3 **C.** 12 **D.** 5

Câu 3. Giảm 66 đi 6 lần được:

A. 60 **B.** 396 **C.** 11 **D.** 12

Câu 4. Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/3 **B.** 1/8 **C.** 1/2 **D.** 1/4

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 6 m = …… dm

A. 60 **B.** 6 **C.** 600 **D.** 6000

Câu 6. Hình chữ nhật có đặc điểm nào dưới đây?

A. 2 góc vuông, 4 cạnh khác nhau

B. 4 cạnh dài bằng nhau, không có góc vuông

C. 4 góc vuông, 2 cạnh dài bằng nhau, 2 cạnh ngắn bằng nhau

D. 3 cạnh, 3 góc

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 549 + 261 = ……

b) 866 − 191 = ……

c) 242 × 3 = ……

d) 270 : 6 = ……

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 18, 24, ……, 36, ……, 48

b) 214, 216, ……, 220, 222, ……

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/3 của 27 giờ là …… giờ

b) 1/2 của 8 ngày là …… ngày

c) 1/6 của 36 quả là …… quả

Bài 4. Tính:

a) 152 g + 279 g = …… g

b) 476 ml − 332 ml = …… ml

c) 139 mm × 3 = …… mm

d) 245 kg : 7 = …… kg

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 5 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 12 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 40 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Một sợi dây dài 28 m được cắt thành 2 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

a) Trả lời: Mỗi đoạn dài …… m

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 8

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	C	A	A	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 549 + 261 = 810

b) 866 − 191 = 675

c) 242 × 3 = 726

d) 270 : 6 = 45

Bài 2.

a) Đếm thêm 6: 18, 24, 30, 36, 42, 48

b) Mỗi số hơn số trước 2 đơn vị: 214, 216, 218, 220, 222, 224

Bài 3.

a) 27 : 3 = 9 (giờ)

b) 8 : 2 = 4 (ngày)

c) 36 : 6 = 6 (quả)

Bài 4.

a) 431 g

b) 144 ml

c) 417 mm

d) 35 kg

Bài 5.

a) 5 × 2 = 10 (cm)

b) 12 : 2 = 6 (dm)

c) 40 : 2 = 20 (mm)

Bài 6.

28 : 2 = 14 (m)